

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí năm 2016 cho một số
đơn vị để thực hiện nhiệm vụ phát sinh được giao.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước"; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước";

Căn cứ Thông tư số 206/2015/TT-BTC ngày 24/12/2015 của Bộ Tài chính về việc: "Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2016";

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa tại Công văn số 2554- CV/VPTU ngày 17/9/2015 của Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc: Tổ chức Hội thảo khoa học "Đổi mới đánh giá hoạt động dạy - học Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính";

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: "Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016"; Văn bản số 211/TB-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: "Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tại buổi làm việc với Trường Đại học Y Hà Nội"; Văn bản số 14105/UBND-VX ngày 06/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: "Giao xây dựng Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên điều chuyển từ trung học cơ sở xuống dạy tiểu học, mầm non trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa"; Văn bản số 14119/UBND-VX ngày 07/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: "Giải quyết đề nghị của Trường Cao đẳng Thể dục, thể thao tỉnh Thanh Hóa";

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 5418/STC-HCSN ngày 21/12/2016 về việc: "Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ năm 2016",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí năm 2016 cho một số đơn vị để thực hiện nhiệm vụ phát sinh được giao để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chính như sau:

1. Dự toán kinh phí phát sinh bổ sung hỗ trợ năm 2016 cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ được giao:

1.1. Tổng số: 4.591,0 triệu đồng (Bốn tỷ, năm trăm chín mươi một triệu đồng).

Bao gồm:

a) Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa: 237,0 triệu đồng.

b) Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại T. Hóa: 1.586,0 triệu đồng.

c) Trường Cao đẳng Thể dục thể thao Thanh Hóa: 1.295,0 triệu đồng.

d) Trường Đại học Hồng Đức: 1.473,0 triệu đồng.

(Có các phụ biểu chi tiết kèm theo)

1.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

2. Tổ chức thực hiện:

2.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ bổ sung dự toán kinh phí năm 2016 cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

2.2. Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, Trường Đại học Hồng Đức, Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, Trường Cao đẳng Thể dục thể thao Thanh Hóa có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung đúng mục đích, đối tượng, nội dung, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, Trường Đại học Hồng Đức, Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, Trường Cao đẳng Thể dục thể thao Thanh Hóa, các ngành và các đơn vị liên quan căn cứ vào nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

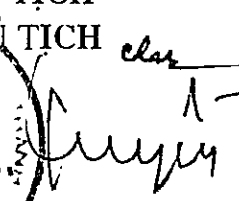
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

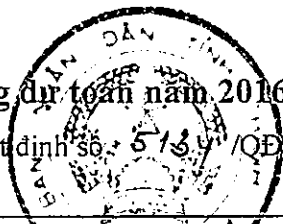
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, Trường Đại học Hồng Đức, Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, Trường Cao đẳng Thể dục thể thao Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn2016265 (18).


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Phạm Đăng Quyền



PHỤ LỤC:

Bổ sung dự toán năm 2016 cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát sinh
(Kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán kinh phí bổ sung	Ghi chú
	Tổng số:	5.198.000.000	4.591.000.000	
1	Trường Chính trị	559.000.000	237.000.000	Phụ lục 1
2	Phân hiệu Đại học y Hà Nội tại Thanh Hóa	1.635.000.000	1.586.000.000	Phụ lục 2
3	Trường Cao đẳng Thể dục thể thao	1.470.000.000	1.295.000.000	Phụ lục 3a,3b
4	Trường Đại học Hồng Đức	1.534.000.000	1.473.000.000	Phụ lục 1

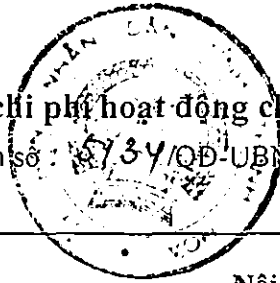
Phụ lục 1:

Dự toán kinh phí "Đổi mới đánh giá hoạt động dạy và học hệ Trung cấp lý luận chính trị - hành chính hiện nay" do Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa thực hiện
(Kèm theo Quyết định số 2573/Y/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt			
			ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí
	Tổng số:	558.750.000				237.264.000
	Làm tròn số:					237.000.000
I	Mua sắm sửa chữa đón khách	233.500.000				
1	Điều hòa nhà B3	86.000.000				
2	Lắp cửa nhà vệ sinh	20.000.000				
3	Sửa chữa điện, nước, lăn sơn...	50.000.000				
4	Mua cây xanh	6.500.000				
5	Mua xà phòng, dép...	5.000.000				
6	Băng rôn, khẩu hiệu, làm rèm cửa	30.000.000				
7	Mua tivi phòng khách	36.000.000				
II	Tiếp khách khu căng tin nhà trường (27/5/2016)	47.250.000				0
1	Ăn tối	30.000.000				
2	Văn nghệ	5.000.000				
3	Thuê phòng rạp	6.000.000				
4	Ăn sáng (ngày 28/5/2016)	6.250.000				
III	Tiệc Buffe + phòng rạp hội thảo	30.000.000				25.300.000
IV	Ăn trưa tại Dạ Lan	45.000.000	Người	150	300.000	25.464.000
V	Thuê phòng ngủ, ăn ở thị xã Sầm Sơn (Tối ngày 28/5/2016)	125.500.000				109.000.000
1	Ăn tối (2 bữa x 150.000đ/bữa)	67.500.000	Người	180	300.000	54.000.000
2	Thuê phòng ngủ	45.000.000	Phòng	75	600.000	45.000.000
3	Âm thanh loa đài, sân khấu	8.000.000				10.000.000
4	Văn nghệ (nhà hát Lam Sơn)	5.000.000				
VI	In ấn, thù lao viết bài nội san (phòng KH)	77.500.000				77.500.000
1	Viết bài tham luận và chế độ đại biểu	67.500.000	Bài	35	1.500.000	52.500.000
3	In ấn, VPP	10.000.000		130	66000	8.580.000

Handwritten signature



Phụ lục 2:

Dự toán hỗ trợ chi phí hoạt động cho Phân hiệu Đại học y Hà Nội tại Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số : 15734/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán thẩm định, phê duyệt
A	Tổng số:	1.585.514.699
	Làm tròn số:	1.586.000.000
B	Tổng chi trong năm 2016	5.038.814.699
I	Chi chuẩn bị hoạt động	925.000.000
1	Chi hoạt động của Phân hiệu: Lập, trình Bộ Y tế phê duyệt tổ chức và hoạt động. Lập báo cáo, tờ trình thẩm định xin phép hoạt động.	625.000.000
2	Chi tham quan học tập kinh nghiệm tại Trường Đại học Thăng Long + Đại học Huế, Y dược thành phố Hồ Chí Minh	80.000.000
3	Chi kinh phí xây dựng đề án chính sách hỗ trợ hoạt động của Phân hiệu Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hoá	85.491.000
4	Chi tiền tổ chức tiếp đón sinh viên lớp Bác sỹ đa khoa chính quy Y1 vào nhập học tại Phân hiệu Thanh Hóa	82.390.630
5	Thanh toán tiền phục vụ công tác tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá Bác sỹ đa khoa chính quy Y1	20.658.370
6	Thanh toán tiền đưa đón sinh viên và phụ huynh lớp Bác sỹ đa khoa chính quy Y1 ra dự lễ khai giảng Trường Đại học Y Hà Nội	31.460.000
II	Hỗ trợ thu nhập tăng thêm, phúc lợi của cán bộ, lương và các khoản đóng góp	2.173.838.802
III	Chi thanh toán giờ giảng, coi thi, giám sát, tiền ăn và đưa đón giảng viên	498.218.000
IV	Chi khác tại Phân hiệu	1.441.757.897
C	Tổng thu trong năm	3.453.300.000
1	Học phí lớp chính quy năm 2016	378.300.000
II	Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 20/1/2016	3.075.000.000

Phụ lục 3a:

Dự toán chế độ cho học sinh năng khiếu các môn thể thao của Trường Cao đẳng Thể dục thể thao Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số : 573/Y/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	THÁNG	SỐ HỌC SINH	Cơ sở tính	Dự toán thẩm định, phê duyệt	Ghi chú
I		Kinh phí bổ sung (II-III):		733.810.000	
		làm tròn số:		734.000.000	
II		Tổng nhu cầu		10.246.810.000	
	Tháng 1	440	Theo thực tế chi tại đơn vị	954.800.000	Số liệu học sinh bình quân 440 giao tại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 19/1/2016
	Tháng 2	429	Theo thực tế chi tại đơn vị	720.720.000	
	Tháng 3	442	Theo thực tế chi tại đơn vị	936.180.000	
	Tháng 4	432	Theo thực tế chi tại đơn vị	921.900.000	
	Tháng 5	467	Theo thực tế chi tại đơn vị	940.520.000	
	Tháng 6	396	Theo thực tế chi tại đơn vị	808.850.000	
	Tháng 7	396	396HS x 31 ngày x 70.000đ/ngày	859.320.000	Số liệu học sinh theo Công văn số 13491/UBND-VX ngày 22/11/2016
	Tháng 8	396	396HS x 31 ngày x 70.000đ/ngày	859.320.000	
	Tháng 9	380	Theo thực tế chi tại đơn vị	780.710.000	
	Tháng 10	395	Theo thực tế chi tại đơn vị	850.430.000	
	Tháng 11	378	378HS x 30 ngày x 70.000đ/ngày	793.800.000	
	Tháng 12	378	378HS x 30 ngày x 70.000đ/ngày	820.260.000	
III		Tổng kinh phí đã cấp		9.513.000.000	
		Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 19/1/2016		5.544.000.000	
		Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 27/9/2016		3.969.000.000	

Đã ký

Phụ lục 3b:

Dự toán kinh phí cho vận động viên hai môn bóng bàn, quần vợt tập luyện và tham gia thi đấu

(Kèm theo Quyết định số : 5137/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt			
			Số lượng VĐV	Số ngày	Định mức	Thành tiền
	Tổng số:	736.250.000	-	-	-	561.020.000
A	Chi phí thi đấu					
I	Môn Quần vợt					355.150.000
1	Giải vô địch nam toàn quốc Tháng 4 Tại Huế					225.220.000
	Chế độ tập huấn (28 ngày)					39.040.000
	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		6	28	80.000	13.440.000
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo		1	28	150.000	4.200.000
	Chế độ thi đấu					
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		4	10	130.000	5.200.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		4	10	150.000	6.000.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		1	10	350.000	3.500.000
	Tiền tàu xe đi về		5	2	250.000	2.500.000
	Lệ phí thi đấu bình quân		8			1.200.000
	Thuê sân tập luyện					3.000.000
2	Giải vô địch đồng đội toàn quốc cúp Vietravel Tháng 5 (Đắc Nông)					30.520.000
	Chế độ tập huấn (14 ngày)					
	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		6	14	80.000	6.720.000
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo		1	14	150.000	2.100.000
	Chế độ thi đấu					
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		4	10	130.000	5.200.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		4	10	150.000	6.000.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		1	10	350.000	3.500.000
	Tiền tàu xe đi về		5	2	600.000	6.000.000
	Lệ phí thi đấu bình quân		8			1.000.000
	Thuê sân tập luyện					
3	Giải năng khiếu toàn quốc tháng 6(Sóc Trăng)					56.350.000
	Chế độ tập huấn (25 ngày)					

Handwritten signature

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt			
			Số lượng VDV	Số ngày	Định mức	Thành tiền
4	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		15	25	50.000	18.750.000
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo		1	25	120.000	3.000.000
	Chế độ thi đấu					-
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		7	10	80.000	5.600.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		7	10	150.000	10.500.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		1	10	350.000	3.500.000
	Tiền tàu xe đi về		8	2	800.000	12.800.000
	Lệ phí thi đấu bình quân		8			2.200.000
	Thuê sân tập luyện					-
	Giải vô địch thanh thiếu niên toàn quốc tháng 7(Cần Thơ)					34.600.000
	Chế độ tập huấn (10 ngày)					-
	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)					-
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo					-
5	Chế độ thi đấu					-
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		7	10	80.000	5.600.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		7	10	150.000	10.500.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		1	10	350.000	3.500.000
	Tiền tàu xe đi về		8	2	800.000	12.800.000
	Lệ phí thi đấu bình quân		8			2.200.000
	Thuê sân tập luyện					-
	Giải thanh thiếu niên xuất sắc toàn quốc tháng 8 (Hà nội)					33.960.000
	Chế độ tập huấn (18 ngày)					-
	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		14	18	50.000	12.600.000
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo		1	18	120.000	2.160.000
	Chế độ thi đấu					-
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		5	10	80.000	4.000.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		5	10	150.000	7.500.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		1	10	350.000	3.500.000
	Tiền tàu xe đi về		6	2	200.000	2.400.000
	Lệ phí thi đấu bình quân		8			1.800.000
	Thuê sân tập luyện					-

Handwritten signature

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt			
			Số lượng VĐV	Số ngày	Định mức	Thành tiền
6	Giải vô địch quốc gia Cúp Vietravel tháng 9 (Hải phòng)					30.750.000
	Chế độ tập huấn (7 ngày)					-
	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		10	7	80.000	5.600.000
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo		1	7	150.000	1.050.000
	Chế độ thi đấu					-
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		5	10	130.000	6.500.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		5	10	150.000	7.500.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		1	10	350.000	3.500.000
	Tiền tàu xe đi về		6	2	400.000	4.800.000
	Lệ phí thi đấu bình quân		8			1.800.000
	Thuê sân tập luyện					-
II	Môn Bóng Bàn					129.930.000
1	Giải vô địch toàn quốc tháng 5(Tại Đắk Lắk)					-
2	Giải vô địch thiếu niên nhi đồng trẻ Tại Hải Dương Tháng 7					53.030.000
	Chế độ tập huấn (25 ngày)					-
	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		11	25	50.000	13.750.000
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo		2	25	120.000	6.000.000
	Chế độ thi đấu					-
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		10	8	130.000	10.400.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		10	8	150.000	12.000.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		2	8	350.000	5.600.000
	Tiền tàu xe đi về		12	2	150.000	3.600.000
	Tiền chụp ảnh, làm thẻ thi đấu		12		140.000	1.680.000
3	Giải thanh thiếu niên, nhi đồng báo Tiền phong tại Đà Nẵng					76.900.000
	Chế độ tập huấn (25 ngày)					-
	Chi tiền ăn vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		13	30	50.000	19.500.000
	Tiền ăn Huấn luyện viên chỉ đạo		2	30	120.000	7.200.000
	Chế độ thi đấu					-
	Chi tiền ăn Chi vận động viên thi đấu (đã trừ tiền ăn thường xuyên 70.000đ/ngày)		12	10	80.000	9.600.000
	Chi tiền ngủ vận động viên		12	10	150.000	18.000.000
	Chi tiền ăn ngủ Huấn luyện viên chỉ đạo		2	10	350.000	7.000.000

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt			
			Số lượng VĐV	Số ngày	Định mức	Thành tiền
B	Tiền tàu xe đi về		14	2	400.000	11.200.000
	Lệ phí thi đấu bình quân					2.300.000
	Tiền chụp ảnh làm thẻ thi đấu		14		150.000	2.100.000
	Chi phí chung					205.870.000
	Trang phục, dụng cụ					178.870.000
	Môn Quần vợt		15			74.360.000
	Môn Bóng Bàn		15			104.510.000
	Thuốc phòng, thuốc bổ		30	6	150.000	27.000.000

Alm

Phụ lục 4:

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên chuyển từ trung học cơ sở xuống tiểu học, mầm non năm học 2016-2017

(Kèm theo Quyết định số : 5134 /QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt				Tổng số (VNĐ)
			Đơn vị tính	Số lượng	Số ngày	Định mức	
	Tổng số:	1.534.480.000					1.473.380.000
	Làm tròn số:						1.473.000.000
1	Chi trả chế độ giảng viên (12 lớp *190 tiết)	228.000.000	Tiết	2.280		100.000	228.000.000
2	Tiền nước uống giảng viên, học viên	172.560.000	Người	719	24	10.000	172.560.000
3	Phôtô tài liệu tập huấn	21.570.000	Cuốn	719		30.000	21.570.000
4	Maket	1.200.000	cái	2		600.000	1.200.000
5	Thuê Hội trường, máy chiếu	86.400.000	HT	12	24	300.000	86.400.000
6	Mua Văn phòng phẩm	6.000.000	lớp	12		500.000	6.000.000
7	Hỗ trợ học viên	862.800.000	Người	719	24	50.000	862.800.000
8	Kiểm tra đánh giá, cấp chứng chỉ, quản lý	35.950.000	Người	719		50.000	35.950.000
9	Biên soạn tài liệu	120.000.000	Tiết	190		155.000	58.900.000
-	Chương trình giáo dục mầm non			190		155.000	29.450.000
-	Chương trình giáo dục tiểu học			190		155.000	29.450.000

(Chữ ký)